

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP ĐỨC  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 05/02/2024  
V/v Tranh chấp: “Yêu cầu không  
công nhận vợ chồng; tranh chấp  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Một.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Hoài Thu.

2. Ông Võ Văn Đoàn.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Yêu cầu không công nhận vợ chồng và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang T - Sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn 4, xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L - Sinh năm 1997.

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Tất cả đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Tôi và cô Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện yêu nhau và làm đám cưới chung sống ngày 12 tháng 12 năm 2014, tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng do lúc đó cô L chưa đủ tuổi kết hôn nên chúng tôi không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới nhau, chúng tôi sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân đã gần 05 năm nay và không còn quan tâm, thương yêu nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận tôi và cô L là vợ chồng.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 09/4/2015. Nguyên vọng của tôi là giao con cho cô L tiếp tục nuôi dưỡng và tôi chịu trách nhiệm cấp dưỡng để cô L nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự phân chia, không yêu cầu Tòa án điều chỉnh.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Về thời gian yêu nhau và tổ chức đám cưới, chung sống tôi thống nhất như anh T trình bày, tôi thừa nhận chúng tôi sống không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, từ lâu nay chúng tôi không còn thương yêu nhau, nay tôi cũng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

Về con chung: Tôi thống nhất chúng tôi có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc H - Sinh ngày 09/4/2015 như anh T khai, nguyên vọng của tôi là xin được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng để tôi nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự phân chia, không yêu cầu Tòa án điều chỉnh.

Về nợ chung: Không có.

*Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức:*

- Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

+ Tuyên bố: Không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Ngọc L.

+ Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến 18 tuổi. Anh Nguyễn Quang T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng và được có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: anh Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng với chị Nguyễn Thị Ngọc L có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Hiệp Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Ngọc L thì thấy anh chị đã chung sống như vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2014 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị L là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét lời khai của anh T và chị L về quan hệ con chung phù hợp với các chứng cứ, tài liệu về hộ tịch và kết quả xác minh, thể hiện anh chị có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Sinh ngày 09/4/2015 hiện nay đang sống với chị L, chị L và anh T thống nhất giao con chung Nguyễn Thị Ngọc Huyền cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Huyền trưởng thành, anh T đồng ý cấp dưỡng để chị L nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thỏa thuận giữa các đương sự là phù hợp nên công nhận thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ chung: anh T, chị L không yêu cầu Tòa can thiệp nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh T phải chịu án phí kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 58 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quang T và chị Nguyễn Thị Ngọc L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Giao con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H – Sinh ngày 09/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quang T chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng y). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 05 tháng 02 năm 2024 đến khi con chung Nguyễn Thị Ngọc H đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Quang T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

4. *Về án phí:* Án phí khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) xử buộc anh Nguyễn Quang T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo biên lai thu số 0006765 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức. Án phí DSST về cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Quang T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

*(Đã giải thích luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q.Nam;
- VKSND H. Hiệp Đức;
- UBND xã Thăng Phước, UBND Xã Ea Nam, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS H. Hiệp Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Trần Văn Một***